

Số: 520/GTr – NS2
“V/v Giải trình chênh lệch số liệu trước
và sau soát xét BCTC bán niên”

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

A. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Công ty: Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội
2. Trụ sở chính: Km01, Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
3. Điện thoại: 04 38 750 394 Fax: 04 38 750 396

B. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN 24H

Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội xin giải trình chênh lệch số liệu trước và sau soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2022 như sau:

I. Giải trình chênh lệch số liệu trên bảng cân đối kế toán cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 trước và sau soát xét báo cáo tài chính bán niên 06 tháng đầu năm 2022 như sau:

1. Báo cáo văn phòng Công ty:

Khoản mục	Mã số	Số báo cáo trước kiểm toán	Số báo cáo sau kiểm toán	Số chênh lệch
Tài sản ngắn hạn	100	195.504.447.986	195.403.318.179	-101.129.807
Hàng tồn kho	141	22.978.884.598	22.877.754.791	-101.129.807
Tổng cộng tài sản	270	1.251.084.829.565	1.250.983.699.758	-101.129.807
Nợ phải trả	300	675.946.553.155	675.845.423.348	-101.129.807
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11.600.147.964	11.499.018.157	-101.129.807
Tổng cộng nguồn vốn	440	1.251.084.829.565	1.250.983.699.758	-101.129.807



2. Báo cáo tổng hợp:

Khoản mục	Mã số	Số báo cáo trước kiểm toán	Số báo cáo sau kiểm toán	Số chênh lệch
Tài sản ngắn hạn	100	196.180.957.794	196.079.827.987	-101.129.807
<i>Hàng tồn kho</i>	<i>141</i>	<i>23.020.413.898</i>	<i>22.919.284.091</i>	<i>-101.129.807</i>
Tổng cộng tài sản	270	1.251.749.123.839	1.251.647.994.032	-101.129.807
Nợ phải trả	300	676.610.388.570	676.509.258.763	-101.129.807
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	<i>315</i>	<i>11.600.147.964</i>	<i>11.499.018.157</i>	<i>-101.129.807</i>
Tổng cộng nguồn vốn	440	1.251.749.123.839	1.251.647.994.032	-101.129.807

II. Giải trình chênh lệch số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021:

A. Báo cáo văn phòng Công ty:

STT	Chỉ tiêu	Số liệu soát xét giữa niên độ năm 2022	Số liệu soát xét giữa niên độ năm 2021	Tỷ lệ
1	Doanh thu và thu nhập khác	245.740.777.576	245.730.369.219	0.004%
2	Chi phí SXKD trong kỳ	237.182.357.824	238.503.417.194	-0.554%
3	Lợi nhuận sau thuế	6.846.735.803	5.781.561.620	18.42%

B. Báo cáo văn phòng Công ty:

STT	Chỉ tiêu	Số liệu soát xét giữa niên độ năm 2022	Số liệu soát xét giữa niên độ năm 2021	Tỷ lệ
1	Doanh thu và thu nhập khác	245.741.351.150	245.731.006.459	0.004%
2	Chi phí SXKD trong kỳ	237.182.357.824	238.503.417.194	-0.554%
3	Lợi nhuận sau thuế	6.847.194.662	5.782.071.412	18.42%

C. Nguyên nhân chênh lệch do:

- Trên bảng cân đối kế toán: Số liệu trên bảng cân đối kế toán chênh lệch là do có sự điều chỉnh về tài khoản hạch toán kế toán làm cho các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán thay đổi theo tài khoản hạch toán. Chi phí nguyên liệu, vật liệu và chi phí phải trả giảm: 101.129.807 đồng.

- Số liệu trên báo cáo KQKD: Trong kỳ doanh thu tăng 0.004% do doanh thu tiền nước và các khoản thu nhập khác tăng, chi phí giảm - 0.554% nên lợi nhuận tăng 18.42% so với cùng kỳ.

Công ty chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT Công ty;
- Giám đốc công ty;
- Ban KS;
- Lưu P.TCHC; P.TCKT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



GIÁM ĐỐC

Trần Thị Hương

